

Phụ lục 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN HỖ TRỢ XOÁ NHÀ TẠM CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NGOÀI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH ĐẾN NGÀY 10/5/2025

Stt	Địa phương	Tổng số nhà tạm, nhà dột nát của Hn,HCN ngoài các chương trình MTQG 2023-2025 (theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 04/4/2025)				Tỷ lệ thực hiện	Chia theo từng nhóm đối tượng							
							Nhà ở của HN, CN 11 huyện ĐBTĐ theo NQ 13/2023/NQ-HĐND (hỗ trợ 100% theo mức XM, SC NQ 13)				Nhà ở của HN, CN trên địa bàn 06 huyện nghèo nằm ngoài danh sách phê duyệt tại ĐA 1245 (hỗ trợ 100% theo mức XM, SC NQ 27/2024/NQ-HĐND)			
		Tổng số nhà	Số nhà đang xây dựng	Số nhà đã hoàn thành	Số nhà còn lại		Tổng số nhà	Số nhà đang xây dựng	Số nhà đã hoàn thành	Số nhà còn lại	Tổng số nhà	Số nhà đang xây dựng	Số nhà đã hoàn thành	Số nhà còn lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Tam Kỳ	14	-	14	-	100,00%	14	-	14	-				-
2	Phú Ninh	33	4	29	-	100,00%	33	4	29	-				-
3	Núi Thành	74	8	63	3	95,95%	74	8	63	3				-
4	Thăng Bình	49	1	47	1	97,96%	49	1	47	1				-
5	Quế Sơn	119	1	118	-	100,00%	119	1	118	-				-
6	Duy Xuyên	68	5	63	-	100,00%	68	5	63	-				-
7	Đại Lộc	103	8	91	4	96,12%	103	8	91	4				-
8	Điện Bàn	7	-	7	-	100,00%	7	-	7	-				-
9	Hội An	3	-	3	-	100,00%	3	-	3	-				-
10	Hiệp Đức	25	-	25	-	100,00%	25	-	25	-				-
11	Tiên Phước	53	-	53	-	100,00%	53	-	53	-				-
12	Bắc Trà My	-	-	-	-	#DIV/0!					-	-	-	-
13	Phước Sơn	124	25	65	34	72,58%					124	25	65	34
14	Nam Giang	330	218	104	8	97,58%					330	218	104	8
15	Đông Giang	349	157	13	179	48,71%					349	157	13	179
16	Tây Giang	96	-	6	90	6,25%					96	-	6	90
17	Nam Trà My	144	93	26	25	82,64%					144	93	26	25
Tổng cộng:		1.591	520	727	344	78,38%	548	27	513	8	1.043	493	214	336